

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2018/HNGĐ - ST

Ngày 07/3/2018.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GV

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phi.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến.

Ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Công Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2017/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX - ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Lâm Văn H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn MG 3, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị L có mặt tại phiên tòa. Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2017 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị L và anh H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đã tiến hành đăng ký kết hôn ngày 25/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã GX, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh N cùng gia đình bố, mẹ chồng, vợ chồng chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn. Sau đó vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị L thì anh H thường xuyên chơi bời, rượu chè và đánh đập chị, không lo toan cho gia đình dẫn đến vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau. Đến cuối tháng 3 năm 2017 thì chị L bỏ về gia đình bố mẹ đẻ của chị ở xã G, huyện G sinh sống, vợ chồng chị sống ly thân nhau, từ tháng 6/2017 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm lẫn tinh thần, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn H.

Về con chung: Chị L trình bày giữa chị và anh H trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung, cháu lớn là Lâm Thị Trà M, sinh ngày 11/6/2012, cháu

nhỏ là Lâm Vũ Phú Q, sinh ngày 10/6/2016 nếu được ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Trà M, còn để anh H là người trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu Q. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, do vậy không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về phía anh Lâm Văn H. Tại bản tự khai ngày 31/10/2017 và biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cũng như các lần hòa giải anh H nhất trí về thời gian kết hôn, con chung của vợ chồng, thời gian sống ly thân. Tuy nhiên, anh H không thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, bản tự khai ngày 31/10/2017 và biên bản hòa giải ngày 17/11/2017 anh H đã đồng ý ly hôn, nhưng đến biên bản hòa giải ngày 22/12/2017, anh H không mong muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Ngày 06/3/2018 chị L có bản tự khai xin dừng việc giải quyết ly hôn, xin rút đơn khởi kiện, nội dung cụ thể chị L đề nghị trình bày tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của mình. Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, Bị đơn đều có địa chỉ: huyện G, tỉnh N B. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng điều 28; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc mở lại phiên tòa hợp lệ, việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không có lý do không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì phiên tòa đã hoãn lần thứ nhất bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về quan hệ hôn nhân:

[1] Hôn nhân của chị L và anh H hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo trình bày của chị L, sau khi tổ chức lễ cưới xong chị về nhà anh H sinh sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H cờ bạc, rượu chè nên thường xuyên đánh chị nên chị kiên quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh H, nhưng trong quá trình giải quyết anh H luôn xin được đoàn tụ để về nuôi dạy con cái, cũng tại phiên tòa hôm nay chị L khẳng định chị đang có thai 16 tuần tuổi, chị L cũng cho rằng thai không phải của anh H, vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 6/2017, chị L cũng không có tài liệu gì chứng minh là thai đó không phải của anh H. Vì thế căn cứ để chấp nhận cho chị ly hôn anh H là không có. Vì quyền lợi của đứa trẻ sinh ra cần bác yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh Lâm Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung, tài sản và công nợ chung. Do yêu cầu ly hôn không được chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản và công nợ chung.

[3] Về án phí: Chị L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 4 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Lâm Văn H.

2. Về con chung, tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04074 ngày 17/10/2017.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS;
- VKS huyện G;
- Tòa án tỉnh N;
- UBND xã Gn;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TRẦN THỊ P